

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HS-PT
Ngày: 16-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 120/TLHS-PT ngày 12-10-2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn T; do kháng cáo của bị hại bà Ngô Thị Kim K đối với bản án hình sự sơ thẩm bản án số 109/2018/HSST ngày 30-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác *Tý*), sinh ngày 27-9-1996 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: tổ 9 T, phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 12-4-2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt.

- Bị hại: Bà Ngô Thị Kim K, sinh năm 1979; nơi cư trú: 18.03 tầng 18, lô 4A cụm chung cư cao tầng The Estella, phường A, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Trong vụ án này bị hại chị P, chị Th không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, từ tháng 10-2017 đến tháng 01-2018, bị cáo T đã nhiều lần thực hiện hành vi “*lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của người khác; cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 28-10-2017, bị cáo T đi ngang qua vườn hoa của chị Trương Thị Kim P ở phường 12, thành phố Đà Lạt, nên chị P hỏi bị cáo “*có mua Hoa Cúc Calimero không*”. Bị cáo liền nảy sinh ý định lừa chị P lấy Hoa Cúc mang đi bán lấy tiền trả nợ, nên bị cáo nhận lời và thỏa T “*sẽ mua hết vườn hoa cúc Calimero của bà Ph với giá 10.000đ/bó/05 cây và giả vờ hỏi bà Ph là trả tiền sau có được không*” thì bà Ph đồng ý. Đến chiều ngày 29-10-2017, chị Phụng cắt hoa và bán cho bị cáo 11 thùng hoa cúc Calimero, tương đương 2.200 bó (11.000 cây) với giá 22.000.000đ. Bị cáo gọi điện thoại, thuê xe của anh Hoàng Công Luyện chở số hoa trên đến Vừa hoa Phụng Lục, bán cho bà Nguyễn Thị Kim Ph với giá 22.000.000đ. Ngày 30-10-2017, chị P tiếp tục cắt và bán cho bị cáo 10 thùng hoa cúc Calimero, tương đương 2.000 bó (10.000 cây) với giá 20.000.000đ, bị cáo tiếp tục gọi xe của anh Luyện chở số hoa này đến bán cho bà Nguyễn Thị Kim Ph với giá 20.000.000đ. Ngày 31-10-2017, chị Trương Thị Kim P tiếp tục cắt và bán cho bị cáo 05 thùng hoa cúc Calimero, tương đương 1.000 bó (5.000 cây) với giá 10.000.000đ, bị cáo tiếp tục thuê xe của anh Luyện chở hoa đến bán cho bà Nguyễn Thị Kim Ph với giá 10.000.000đ. Như vậy, với tổng số tiền 52.000.000đ, bà Nguyễn Thị Kim Ph đã trả tiền cho bị cáo nhưng bị cáo chiếm đoạt của bà Trương Thị Kim P.

Tại Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận 26.000 cây hoa cúc Calimero bị cáo chiếm đoạt của bà Trương Thị Kim P trị giá 52.000.000đ;

Lần thứ hai: Đầu tháng 01-2018, bị cáo đi xuống các vườn hoa Lan Hồ điệp tại huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng chụp hình các loại hoa Lan Hồ điệp rồi đăng lên trang Facabook và Zalo cá nhân của bị cáo với mục đích để lừa người khác tin bị cáo có hoa Lan Hồ điệp bán để T chiếm đoạt tiền của họ. Do vậy, ngày 09-01-2018, chị Ngô Thị Kim K có nhu cầu mua hoa Lan Hồ điệp để sử dụng dịp tết Nguyên đán Mậu Tuất, nên thông qua Facebook của bị cáo, chị K đặt mua 440 cây lan Hồ điệp; 02 chậu hoa Địa lan; 03 chậu hoa Lan Hồ điệp cắm thuyền gỗ. Mặc dù không có hoa để bán nhưng bị cáo vẫn nói dối là có số hoa nói trên để bán cho chị K. Để chị K tin là thật, bị cáo chụp hình Chứng minh nhân dân của bị cáo và gửi cùng số điện thoại của bị cáo cho bà Khánh, sau đó thống nhất giá bán số hoa lan nói trên cho chị K với giá 50.320.000đ, chị K sẽ thanh toán cho bị cáo 02 lần; lần 1 chị K chuyển trước cho bị cáo 26.300.000đ, số tiền còn lại, sau khi nhận hoa bị cáo gửi chị K sẽ thanh toán hết. Bị cáo gửi số tài khoản của mình tại Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Lâm Đồng cho chị K để chị K chuyển tiền cho bị cáo. Đến ngày 17-01-2018, chị K đã chuyển vào tài khoản của bị cáo 26.300.000đ. Sau khi bà K chuyển tiền, bị cáo đã đến trụ ATM của Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Phan Chu Trinh, thành phố Đà Lạt rút toàn bộ số tiền trên rồi chặn số điện thoại, Facebook và Zalo của chị Khánh. Số tiền chiếm đoạt bị cáo đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Ngày 25-01-2018, chị Bùi Lưu Hoài T thấy trên trang Facebook của bị cáo có đăng hình bán hoa Lan Hồ điệp, nên chị T đã đặt mua của T 140 cây Lan Hồ điệp. Mặc dù không có hoa để bán nhưng bị cáo vẫn nói dối với chị T là có số hoa nói trên và thống nhất giá bán cho chị T 140 cây Lan Hồ điệp là 18.900.000đ. Để chị T tin là thật, bị cáo tiếp tục chụp hình Chứng minh nhân dân của bị cáo và gửi cùng số điện thoại của mình cho chị Thương. Đến ngày 29-01-2018, chị T chuyển 18.900.000đ qua dịch vụ chuyển nhanh của Viettel Bank Pus cho bị cáo. Đến 17 giờ 30 ngày 29-01-2018, bị cáo đến Cửa hàng Viettel ở đường Phan Chu Trinh, phường 9, thành phố Đà Lạt nhận số tiền 18.900.000đ do chị T gửi rồi chặn số điện thoại và Facebook của chị Thương. Số tiền nhận được bị cáo sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng được cơ quan điều tra chuyển giao cho Cơ quan thi hành án dân sự gồm 01 điện thoại di động hiệu HTC màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đen-đỏ.

Tại bản án số 109/2018/HSST ngày 30-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã tuyên bố bị cáo T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12-4-2018.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về bồi thường, xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 09-10-2018 bị hại bà K kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo; đề nghị ghi rõ thời hạn bồi thường, các chế tài liên quan đến quá hạn bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm; bị hại chị K đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm, không thắc mắc khiếu nại; đề nghị giữ nguyên hình phạt bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại chị K kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan theo quy định điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[2] Để có tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân, nên trong khoảng thời gian từ ngày 29-10-2017 đến ngày 29-01-2018, bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 05 lần, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 97.200.000đ; trong đó chiếm đoạt của bị hại chị Trương Thị Kim P 03 lần với giá trị tài sản 52.000.000đ;

chiếm đoạt của bị hại chị K số tiền 26.300.000đ; chiếm đoạt của bị hại chị T số tiền 18.900.000đ. Đối chiếu lời khai của bị cáo, lời khai bị hại, kết luận định giá tài sản; Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ, đã tuyên bố bị cáo T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt, ghi rõ thời hạn bồi thường, các chế tài liên quan đến quá hạn bồi thường, đối chiếu tài liệu chứng cứ thể hiện. Bị cáo thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội từ hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, bị cáo cũng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*thành khẩn khai báo*” quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Mặt khác, khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định khung hình phạt cao nhất đến 7 năm tù, trong khi đó bị cáo chiếm đoạt số tiền 97.200.000đ, cấp sơ thẩm đã phạt bị cáo 04 năm tù là thỏa đáng. Do vậy bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt là không có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với bồi thường thiệt hại, bị cáo chiếm đoạt số tiền 26.300.000đ, sau đó bị cáo đã rút toàn bộ số tiền này tiêu xài cá nhân, tài khoản của bị cáo không còn tiền, trong khi đó bị cáo không có tài sản nào khác. Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền thi hành án. Do vậy, chị K kháng cáo và đề nghị ghi rõ thời hạn bồi thường, các chế tài liên quan đến quá hạn bồi thường là không có căn cứ, nên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại chị K thực hiện quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị hại không được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại chị Ngô Thị Kim K; giữ nguyên bản án sơ thẩm; Xử:

1. Tuyên bố bị cáo bị cáo T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-4-2018.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Lâm Đồng (1)
- Phòng KTNV&THA (1)
- TA thành phố Đ (2)
- VKS thành phố Đ (1)
- Công an thành phố Đ (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1)
- Chi cục THADS Đ (1)
- Bị cáo (*để thi hành*);
- Hồ sơ THAHS (1)
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Kim Đồng

